TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/ DSST
Ngày 20 - 02 - 2019
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Trị
2. Ông Nguyễn Đợi

Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-DS, ngày 18/4/2018 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST – DS, ngày 05/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST- DS, ngày 25/01/2019 của Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Ánh H – sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ 8, đường Q, phường E, thành phố R, tỉnh Gia Lai.

Chị H có mặt tại phiên tòa.

2.*Bị đơn*: Ông Huỳnh B – sinh năm 1944
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi. Ông B có mặt tại phiên tòa

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Huỳnh Trần Đạt V, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi. Anh V vắng mặt tại phiên tòa.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975
- Cháu Huỳnh Quốc V1, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2003

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Huỳnh Quốc V1: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975, là mẹ đẻ của cháu Huỳnh Quốc V1.

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Huỳnh Thị Ánh H1, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ 3 thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Ánh H1: Chị Huỳnh Thị Ánh H – sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 8, đường Q, phường E, thành phố R, tỉnh Gia Lai, theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 4 năm 2018.

Chị H có mặt tại phiên tòa.

- Ông Phạm Bá L, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi. Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Ánh H trình bày:

Cha, mẹ đẻ của chị là ông Huỳnh B và bà Trần Thị L1 có bốn người con là chị Huỳnh Thị Ánh H1, anh Huỳnh Trần Đạt V, anh Huỳnh Trần Hoàng V2 và chị là Huỳnh Thị Ánh H. Anh Huỳnh Trần Hoàng V2 đã chết năm 2004, anh V2 có vợ là chị Nguyễn Thị T1 và có con là cháu Huỳnh Quốc V1. Cha mẹ đẻ của bà L1 đã chết trước năm 1996. Bà L1 không có cha mẹ nuôi, không có con riêng và con nuôi.

Ông B và bà L1 được ông bà lưu hạ một diện tích đất tại tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 2007, bà Trần Thị L1 chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài sản. Di sản thừa kế của bà L1 do ông Huỳnh B trực tiếp quản lý. Năm 2010, toàn bộ diện tích đất nêu trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Huỳnh B. Năm 2016 ông B đã tách diện tích đất nêu trên thành 07 thửa đất, cụ thể:

Thửa đất số 493, diện tích là 140m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627937; Thửa đất số 494, diện tích là 140,9m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627938; Thửa đất số 495, diện tích là 141m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627939; Thửa đất số 496, diện tích là 745,7m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627940; Thửa đất số 406, diện tích là 183,4m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CĐ 190091; Thửa đất số 407, diện tích là 168,9 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CĐ 190092 và thửa đất số 408, diện tích là 199,2m^2 , giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CĐ 190093.

Tất cả 07 thửa đất này đều ở tờ bản đồ số 21 thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi và do ông Huỳnh B trực tiếp quản lý, sử dụng.

Về tài sản trên đất:

- Trên thửa đất số 493, 494, 495 trước kia ông Huỳnh B trồng lúa nhưng nay đã thu hoạch nên chỉ còn đất trống;

- Trên thửa đất số 496, hiện có 01 ngôi nhà xây cấp IVB diện tích khoảng hơn 60 m^2 xây dựng năm 2009, ngôi nhà này là tài sản riêng của ông Huỳnh B. Trong thời gian anh Huỳnh Trần Đạt V về ở cùng ông B thì anh V có mua 5 cánh cửa sắt để gắn vào ngôi nhà này vì ông B làm nhà xong nhưng chưa có cửa, trị giá các cửa sắt anh V mua bao nhiêu thì chị không biết. Ông B và anh V tự thỏa thuận giải quyết về 5 cánh cửa này.

Trên thửa đất 496 có một diện tích đất khoảng 130 m^2 trước kia ông B trồng lúa nhưng nay đã thu hoạch nên để đất trống; 04 cây dừa đang cho quả, 30 cây cau đang cho quả, 20 cây chuối chưa cho quả, toàn bộ số cây này do ông Huỳnh B trồng. Ngoài ra còn có 01 cây lộc vừng và 01 cây đu đủ, giá trị sử dụng không cao nên không tính đến và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trên thửa đất 496 có nền của nhà tắm, không còn mái che; giếng nước; nhà vệ sinh, không còn mái che. Nhà tắm, giếng nước và nhà vệ sinh này là của gia đình chị trước kia, đã bỏ hoang từ lâu, hiện không còn giá trị sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trên thửa đất số 406 có nền chuồng heo, không còn mái che, do anh Huỳnh Trần Đạt V xây vào năm 2012, sau đó bỏ hoang, hiện không còn giá trị sử dụng. 20 cây chuối chưa cho quả, 10 cây cau đang cho quả, số cây này là của ông Huỳnh B trồng.

- Trên thửa đất số 407 có 7 cây cau đã cho quả, 60 cây chuối chưa cho quả, số cây này do ông Huỳnh B trồng. Thửa đất 407 có 11m^2 đất ông B đã cho anh Phạm Bá L (là cháu gọi ông B bằng cậu) mượn, hiện anh L đã xây công trình phụ trên diện tích đất này, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 407 vẫn còn thể hiện cả phần diện tích đất này. Ông B và anh L tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Trên thửa đất số 408, có một ngôi nhà xây cấp IVC, diện tích khoảng 60m^2 được xây dựng vào tháng 9 âm lịch năm 2004, đây là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị T1 và cháu Huỳnh Quốc V1.

Đối với 07 thửa đất với tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.719,1m^2 nêu trên có ½ là tài sản của ông Huỳnh B, còn ½ là di sản thừa kế của bà Trần Thị L1.

Vì vậy nay chị yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với phần di sản thừa kế của bà L1 cho năm người thừa kế của bà Trần Thị L1 là chị, ông B, chị H1, anh V và anh V2 (cháu V1 hưởng vì anh V2 đã chết), phần của chị thì chị yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật là thửa đất số 493, tờ bản đồ số 21 thị trấn Y, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627937, diện tích theo giấy chứng nhận là 140m^2 , diện tích theo đo đạc thực tế là 150,5m^2.

Đối với các tài sản trên 07 thửa đất thì chị không có yêu cầu chia vì đó không phải là di sản thừa kế do bà Trần Thị L1 để lại, tài sản đó của ai thì người đó tiếp tục sở hữu, thu hoạch.

Chị Huỳnh Thị Ánh H đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do Hội đồng định giá đã định giá. Đối với diện tích đất tăng, giảm so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là tài sản của ông Huỳnh B và di sản của bà Trần Thị L1, đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Bà L1 chết không để lại nghĩa vụ tài sản. Về chi phí công sức, chi phí nuôi dưỡng, chi phí ma chay đối với bà L1 đã được gia đình chị giải quyết xong ngay sau khi bà L1 chết. Quá trình quản lý di sản do bà L1 để lại thì ông Huỳnh B không phát triển, tôn tạo.

Tại bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Huỳnh B trình bày:

Ông công nhận về quan hệ quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Trần Thị L1, quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, tài sản chung và di sản thừa kế như chị Huỳnh Thị Ánh H đã trình bày. Ông đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của chị H. Theo ông, 07 thửa đất với tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.719,1m^2 và diện tích đất đo thực tế là 1.743,6m^2 có ½ là tài sản của ông, còn ½ là di sản thừa kế của bà Trần Thị L1, vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết xác định ½ diện tích của 07 thửa đất nêu trên là phần tài sản của ông, còn ½ là phần di sản của bà L1 thì chia thừa kế cho ông và chị H, chị H1, anh V và cháu V1 (là con trai của anh V2, vì anh V2 đã chết năm 2004). Ông yêu cầu được nhận phần tài sản của ông và phần hưởng thừa kế của bà L1 bằng hiện vật, cụ thể là ông nhận thửa đất số 496 (vì trên đất có ngôi nhà của ông), thửa đất số 406 và thửa đất số 407. Đề nghị Tòa án chia cho chị H hưởng thừa kế thửa đất số 493, chị H1 hưởng thừa kế thửa đất số 494, anh V hưởng thừa kế thửa đất 495, cháu V1 hưởng thừa kế thửa đất số 408.

Về tài sản trên 07 thửa đất nêu trên:

- Trên thửa đất số 493, 494, 495 trước kia ông trồng lúa nhưng nay ông đã thu hoạch lúa nên để đất trống.

- Trên thửa đất số 496, hiện có 01 ngôi nhà xây cấp IVB diện tích khoảng hơn 60 m^2 xây dựng năm 2009, ngôi nhà này là tài sản của riêng ông nên ông tiếp tục sở hữu, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh Huỳnh Trần Đạt V về ở cùng ông thì anh V có mua 5 cánh cửa sắt để gắn vào ngôi nhà này. Ông và anh V sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trên thửa đất 496 có một diện tích đất khoảng 130 m^2 trước kia ông trồng lúa, nhưng nay đã thu hoạch nên để đất trống; 04 cây dừa đang cho quả, 30 cây cau đang cho quả, 20 cây chuối chưa cho quả, toàn bộ số cây này do ông trồng. Ngoài ra còn có 01 cây lộc vừng và 01 cây đu đủ, giá trị sử dụng không cao nên không tính đến. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về số cây trồng này.

Trên thửa đất 496 có nền của nhà tắm, không còn mái che; giếng nước; nhà vệ sinh, không còn mái che. Nhà tắm, giếng nước và nhà vệ sinh này là của gia đình ông trước kia, đã từ lâu bỏ hoang, hiện không còn giá trị sử dụng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trên thửa đất số 406 có nền chuồng heo, không còn mái che, do anh Huỳnh Trần Đạt V xây vào năm 2012, sau đó bỏ hoang, hiện không còn giá trị sử dụng. 20 cây chuối chưa cho quả, 10 cây cau đang cho quả, số cây này là của ông trồng. Nếu anh V có nhu cầu sử dụng thì về tháo dỡ phần còn lại của chuồng heo nêu trên, còn các cây chuối và cau trồng trên đất thì ông nhận hưởng thửa đất này nên ông tiếp tục thu hoạch cây, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về các tài sản trên thửa đất này.

- Trên thửa đất số 407 có 07 cây cau đã cho quả, 60 cây chuối chưa cho quả, số cây này do ông trồng, vì ông nhận hưởng thửa đất này nên ông sẽ tiếp tục thu hoạch cây, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trên thửa đất số 407 có 11,2m^2 đất ông đã cho anh Phạm Bá L (là cháu gọi ông bằng cậu) mượn, hiện anh L đã xây công trình phụ trên diện tích đất này, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa

đất số 407 vẫn còn thể hiện cả phần diện tích đất này. Ông và anh L sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Trên thửa đất số 408, có một ngôi nhà xây cấp IVC, diện tích khoảng 60m^2 được xây dựng vào tháng 9 âm lịch năm 2004, đây tài sản riêng của chị Nguyễn Thị T1 và cháu Huỳnh Quốc V1 nên chị T1 và cháu V1 tiếp tục sở hữu, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông không yêu cầu thanh toán về công sức quản lý, tôn tạo, duy trì, phát triển đối với phần di sản do bà Trần Thị L1 để lại. Bà L1 không để lại nghĩa vụ tài sản, ông không có yêu cầu thanh toán về công sức, chi phí nuôi dưỡng, chi phí ma chay đối với bà L1.

Ông đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do Hội đồng định giá đã định giá. Đối với diện tích đất tăng, giảm so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là tài sản của ông và di sản của bà Trần Thị L1, đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Ánh H1:

Chị đồng ý với yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ánh H và ý kiến của ông Huỳnh B về quan hệ huyết thống, về tài sản chung của ông B với bà L1, về di sản thừa kế của bà L1 và về tài sản trên đất. Chị đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do Hội đồng định giá đã định giá. Đối với diện tích đất tăng, giảm so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là tài sản của ông Huỳnh B và di sản của bà Trần Thị L1, đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Chị có yêu cầu được nhận thừa kế là thửa đất số 494, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 141m^2, diện tích theo đo đạc thực tế là 148m^2.

Ý kiến của anh Huỳnh Trần Đạt V:

Anh công nhận về quan hệ huyết thống đúng như chị H và ông B trình bày. Theo anh, nguồn gốc toàn bộ diện tích 07 thửa đất nêu trên là của ông bà lưu hạ cho ông B và bà L1 nên anh không đồng ý chia thừa kế mà anh yêu cầu giao toàn bộ 07 thửa đất này cho ông B sử dụng, sau này khi ông B chết thì để làm nơi thờ cúng ông, bà. Đối với các tài sản có trên đất anh đồng ý với ý kiến của ông B, chị H, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 05 cánh cửa sắt là tài sản của anh hiện đang lắp tại ngôi nhà cấp IVB của ông B ở trên thửa đất số 496, anh và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với việc anh Phạm Bá L xây dựng công trình phụ trên diện tích 11,2m^2 đất của thửa đất số 407 thì ông B và anh L tự thỏa thuận giải quyết, anh không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị T1 là người đại diện hợp pháp của cháu Huỳnh Quốc V1:

Lời trình bày của chị T1 thống nhất với lời trình bày của chị H, ông B về quan hệ huyết thống, về di sản thừa kế của bà L1, tài sản trên thửa đất số 493, thửa đất số 494, thửa đất số 495, thửa đất số 496, thửa đất số 406, thửa đất số 407 và thửa đất số 408, đều ở tờ bản đồ số 21 thị trấn Y. Chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết

cho cháu V1 được nhận kỷ phần thừa kế của anh Huỳnh Trần Hoàng V2 là thửa đất số 408, tờ bản đồ số 21 thị trấn Y vì trên thửa đất này có tài sản của chị và cháu V1 là ngôi nhà xây cấp IVC. Nếu Tòa án chia cho người khác hưởng thừa kế là diện tích đất này thì phải trả tiền về ngôi nhà này cho chị T1 và cháu V1.

Nếu diện tích đất cháu V1 được chia thừa kế nhỏ hơn diện tích đất của thửa đất số 408 thì chị T1 và cháu V1 sẽ có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch của diện tích đất đó cho các đồng thừa kế nếu họ có yêu cầu, vì không thể cắt bớt đất của thửa đất số 408 do đã có ngôi nhà. Ngược lại, nếu diện tích đất cháu V1 được chia thừa kế lớn hơn diện tích đất của thửa đất số 408 thì chị T1 và cháu V1 đồng ý để lại phần đất được chia thêm ngoài thửa đất số 408 cho ông Huỳnh B được hưởng.

Đối với tài sản trên đất: Ngôi nhà trên thửa đất số 408 là tài sản riêng của chị và cháu V1 nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các tài sản trên các thửa đất khác, chị và cháu V1 không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ánh H1, Nguyễn Thị T1, Huỳnh Quốc V1, Phạm Bá L đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71,72,73, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Trần Đạt V chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,73 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219, 649,650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ánh H; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị ông Huỳnh B, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Ánh H1, cháu Huỳnh Quốc V1.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông B đối với phần diện tích 26,4 m^2 của thửa đất số 406.

+ Đình chỉ đối với phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T1 là người giám hộ cho cháu Huỳnh Quốc V1 đối với yêu cầu nhận di sản thừa kế là thửa đất số 406.

+ Chị Huỳnh Thị Ánh H được nhận phần di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 để lại là thửa đất số 493 diện tích đo thực tế là 150,5m^2, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y; Chị Huỳnh Thị Ánh H1 được nhận phần di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 để lại là thửa đất số 494 diện tích đo thực tế là 149,4m^2 tờ bản đồ số 21, thị trấn Y; Cháu Huỳnh Quốc V1 được nhận phần di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 để lại là thửa đất số 408, diện tích đo thực tế là 201,3m^2 tờ bản đồ số 21, thị trấn Y; Ông Huỳnh B được nhận phần tài sản của ông và di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 để lại là thửa đất số 496 diện tích đo thực tế là 757,1m^2, thửa đất số 407 diện tích đo thực tế là 152,8m^2 và 158,1m^2 của thửa đất số 406 (các thửa đất đều tờ bản đồ số 21, thị

trấn Y); Tạm giao kỷ phần thừa kế mà anh Huỳnh Trần Đạt V được hưởng di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 để lại là thửa đất số 495 diện tích đo thực tế là 148m^2 và 26,4m^2 của thửa đất số 406 (các thửa đất đều ở tờ bản đồ số 21, thị trấn Y) cho ông Huỳnh B quản lý, khi nào anh Huỳnh Trần Đạt V có yêu cầu nhận thừa kế thì khởi kiện bằng một vụ án khác;

+ Các tài sản trên các thửa đất, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí, chi phí tố tụng khác: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung", tài sản chung và di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện U, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T1, cháu Huỳnh Quốc V1 và anh Phạm Bá L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Trần Đạt V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời điểm mở thừa kế: Căn cứ bản Trích lục khai tử của UBND thị trấn Y xác định bà Trần Thị L1 chết ngày 25 tháng 12 năm 2007. Như vậy thời điểm mở thừa kế của bà L1 là ngày 25 tháng 12 năm 2007.

[4] Về thời hiệu thừa kế: Bà Trần Thị L1 chết ngày 25 tháng 12 năm 2007, tính đến ngày người thừa kế Huỳnh Thị Ánh H khởi kiện yêu cầu chia di sản là bất động sản thì thời hiệu thừa kế vẫn còn.

[5] Về diện và hàng thừa kế:

Theo lời trình bày của các đương sự thì bà Trần Thị L1 và ông Huỳnh B có 04 người con là chị Huỳnh Thị Ánh H1, anh Huỳnh Trần Đạt V, anh Huỳnh Trần Hoàng V2 và chị Huỳnh Thị Ánh H. Anh Huỳnh Trần Hoàng V2 đã chết năm 2004, anh V2 có vợ là chị Nguyễn Thị T1 và con là cháu Huỳnh Quốc V1. Cha mẹ của bà L1 đã chết từ lâu. Bà L1 không có cha mẹ nuôi, con riêng, con nuôi. Ngày 25 tháng 12 năm 2007 bà L1 chết không để lại di chúc.

Căn cứ Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L1 gồm: ông Huỳnh B, chị Huỳnh Thị Ánh H1, anh Huỳnh Trần Đạt V, chị Huỳnh Thị Ánh H và anh Huỳnh Trần Hoàng V2, nhưng anh Huỳnh Trần Hoàng V2 đã chết năm 2004 (chết trước người để lại di sản Trần Thị L1) nên con của anh Huỳnh Trần Hoàng V2 là cháu Huỳnh Quốc V1 được thừa kế thế vị theo Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Xác định tài sản chung và di sản thừa kế:

Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng:

Thửa đất số 493, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627937 có diện tích là 140m^2, diện tích đo thực tế là 150,5m^2; Thửa đất số 494, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627938 có diện tích là 140,9m^2, diện tích đo thực tế là 149,4m^2; Thửa đất số 495, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627939 có diện tích là 141m^2, diện tích đo thực tế là 148m^2; Thửa đất số 496, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BS627940 có diện tích là 745,7m^2, diện tích đo thực tế là 757,1m^2; Thửa đất số 406, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CĐ 190091 có diện tích là 183,4m^2, diện tích đo thực tế là 184,5m^2; Thửa đất số 407, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CĐ 190092 có diện tích là 168,9 m^2, diện tích đo thực tế là 152,8m^2 và thửa đất số 408, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CĐ 190093 có diện tích là 199,2m^2 , diện tích đo thực tế là 201,3m^2 tất cả 07 thửa đất này ở tờ bản đồ số 21 thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, đều là tài sản chung của bà Trần Thị L1 và ông Huỳnh B, theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì với tổng diện tích của 07 thửa đất nêu trên là 1.719,1m^2, qua xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích của từng thửa đất có sự biến động, do đó tổng diện tích đã tăng lên là 1.743,6m^2 cụ thể:

-Thửa đất số 493, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 140m^2, nhưng đo thực tế thì diện tích là 150,5m^2, tăng 10,5m^2.

- Thửa đất số 494, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 140,9m^2, nhưng đo thực tế thì diện tích là 149,4m^2, tăng 08,5m^2.

- Thửa đất số 495, giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtcó diện tích 141m^2, nhưng đo thực tế thì diện tích là 148m^2, tăng 07m^2.

- Thửa đất số 496, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 745,7m^2, nhưng đo thực tế thì diện tích là 757,1m^2, tăng 11,4m^2.

- Thửa đất số 406, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 183,4m^2, nhưng đo thực tế thì diện tích là 184,5m^2, tăng 1,1m^2.

- Thửa đất số 407, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 168,9 m^2, nhưng đo thực tế thì diện tích là 152,8m^2, giảm 16,1m^2.

- Thửa đất số 408, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 199,2m^2, nhưng đo thực tế thì diện tích là 201,3m^2, tăng 2,1m^2.

Ủy ban nhân dân huyện U và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện U cho biết sự chênh lệch này là do biến động giữa các lần đo; Qua xác minh, giữa hộ ông Huỳnh B và các hộ liền kề không có xảy ra tranh chấp về giới cận.

Các đương sự nêu ý kiến yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế theo từng thửa đất đã được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng, phần chênh lệch diện tích tăng, giảm của từng thửa đất không đáng kể nên các đương sự sẽ tự điều chỉnh.

Thửa đất số 493, 494, 495, 496 , 406, 407 và 408 đều tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, có tổng diện tích đo thực tế là 1.743,6m^2, ông Huỳnh B yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, trong đó ½ diện tích đất là phần tài sản của ông Huỳnh B, còn ½ diện tích đất là phần di sản thừa kế của bà Trần Thị L1, cụ thể phần tài sản của ông

Huỳnh B là 1.743,6m^2:2= 871,8m^{2}đất, phần di sản thừa kế của bà L1 là 1.743,6m^2:2= 871,8m^{2}đất là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ tài sản do bà L1 để lại và không có yêu cầu giải quyết chi phí công sức, chi phí nuôi dưỡng, chi phí ma chay đối với bà L1, không có yêu cầu giải quyết về công sức, chi phí duy trì, tôn tạo, phát triển di sản thừa kế của bà L1, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chia tài sản chung và chia thừa kế:

Phần di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 là diện tích 871,8m^2 đất được chia cho 05 người thừa kế của bà L1, gồm có: ông B, chị H1, chị H, anh V và cháu V1 (hưởng thừa kế thế vị phần của anh V2). Cụ thể, kỷ phần thừa kế mỗi người được hưởng là: 871,8 m^2 : 5 = 174,36m^2 đất. Kỷ phần thừa kế của cháu V1 sẽ do chị Nguyễn Thị T1 là người đại diện theo pháp luật của cháu V1 nhận, quản lý.

Vì chị H, ông B, chị H1, chị T1 và cháu V1 đều có yêu cầu nhận thừa kế bằng hiện vật là những thửa đất cụ thể đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, xét thấy yêu cầu này của các đương sự là hợp lý, thuận lợi cho việc thi hành án và sử dụng của các đương sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, chia thừa kế bằng hiện vật là các thửa đất mà các đương sự tự nhận hưởng cho các đương sự là phù hợp. Do đó:

- Chị H nhận thừa kế thửa đất số 493, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 140 m^2, diện tích đo thực tế là 150,5 m^2 so với kỷ phần thừa kế thì còn thiếu là 23,86m^2.

- Chị H1 nhận thừa kế thửa đất số 494, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 140,9m^2, diện tích đo thực tế là 149,4 m^2 so với kỷ phần thừa kế thì còn thiếu là 24,96m^2.

- Cháu V1 nhận thừa kế thửa đất số 408, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 199,2m^2, diện tích đo thực tế là 201,3m^2, so với kỷ phần thừa kế thì thừa là 26.94m^2.

Nhưng chị H, chị H1 đều có ý kiến không yêu cầu nhận thêm cho đủ diện tích đất của kỷ phần thừa kế mà giao cho ông B hưởng phần chênh lệch này, không yêu cầu ông B phải trả bằng giá trị tài sản; Các đương sự không yêu cầu cháu V1 phải trả lại phần đất chênh lệch thừa so với kỷ phần thừa kế được chia và cũng không yêu cầu phải trả bằng trị giá tài sản, các yêu cầu này của các đương sự không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Kỷ phần thừa kế chia theo pháp luật của anh Huỳnh Trần Đạt V là 174,36m^2 đất bằng hiện vật tại thửa đất số 495 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 141m^2, diện tích đo thực tế là 148m^2) và 26,36 m^2 (làm tròn số là 26,4 m^2) đất nằm trong thửa đất số 406 (đều ở tờ bản đồ số 21 thị trấn Y, huyện U). Nhưng vì lời trình bày của anh V có tại hồ sơ không thống nhất, có lúc anh nêu ý kiến anh từ chối nhận thừa kế nhưng không đồng ý giao phần thừa kế này cho ai hưởng, có lúc anh trình bày là không đồng ý chia thừa kế, nguyện vọng của anh là giao hết 07 thửa đất cho ông Huỳnh B sử dụng, khi nào ông Huỳnh B chết thì để

làm nơi thờ cúng, anh V không có yêu cầu độc lập, không nộp tạm ứng án phí, tại phiên tòa anh V vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tạm giao cho ông Huỳnh B quản lý kỷ phần thừa kế của anh Huỳnh Trần Đạt V là thửa đất số 495 (có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 141m^2, diện tích đo thực tế là 148m^2) và 26,4m^2 đất nằm trong thửa đất số 406 (hai thửa đất đều ở tờ bản đồ số 21 thị trấn Y, huyện U) nêu trên, khi nào anh Huỳnh Trần Đạt V có yêu cầu nhận thừa kế thì khởi kiện bằng một vụ án khác để giải quyết.

- Phần tài sản của ông B được chia tài sản chung là 871,8 m^2 đất và hưởng thừa kế di sản của bà L1 174,36m^{2}đất , tổng cộng là 1.046,16m^2 đất. Ông B tự nhận hưởng bằng hiện vật là thửa đất số 496 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 745,7m^2, diện tích đo thực tế là 757,1m^2), thửa đất 407 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 168,9 m^2, diện tích đo thực tế là 152,8m^2) và toàn bộ diện tích của thửa đất số 406 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 183,4m^2, diện tích đo thực tế là 184,5m^2), nhưng trong thửa đất số 406 đã cắt 26,4m^2 để chia cho anh V cho đủ kỷ phần nên còn lại 158.1m^2. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông B về việc ông yêu cầu nhận toàn bộ diện tích của thửa đất số 406 nêu trên. Như vậy, phần tài sản của ông B trong khối tài sản chung với bà L1 mà ông yêu cầu được chia và phần tài sản ông B nhận hưởng thừa kế của bà L1 là 757,1m^2 của thửa đất số 496, 152,8m^2 của thửa đất số 407 và 158,1m^2 của thửa đất số 406, tổng cộng 1.068m^2 đất, nhiều hơn tổng diện tích phần tài sản ông được chia và hưởng thừa kế theo pháp luật là 21,84m^2, phần chênh lệch này phần đất do chị H và chị H1 thống nhất để cho ông B hưởng, không yêu cầu ông B phải trả bằng giá trị tài sản, ông B đồng ý, yêu cầu này của các đương sự được chấp nhận.

[9] Các thửa đất số 493, 494, 495, 408 và một phần thửa đất số 496 ở cùng một vị trí nên giá trị ngang nhau, có giá trị là 2.600.000đồng/ m^2, thửa đất số 406, 407 và một phần thửa đất số 496 ở cùng vị trí, có giá trị ngang nhau, với mức giá là 1.500.000đồng/m^2, các đương sự thống nhất về mức giá mà Hội đồng định giá đã định giá.

[10] Về tài sản trên đất:

- Trên thửa đất số 408 có một ngôi nhà xây cấp IVC, các đương sự đều trình bày đây là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị T1, cháu Huỳnh Quốc V1 và trên thửa đất số 496 có một ngôi nhà xây cấp 4B, các đương sự đều trình bày đây là tài sản riêng của ông Huỳnh B, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trên thửa đất số 496 có nền của nhà tắm, không còn mái che; giếng nước; nhà vệ sinh, không còn mái che, hiện không còn giá trị sử dụng, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trên thửa đất số 406 có nền chuồng heo, không còn mái che, do anh Huỳnh Trần Đạt V xây, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trên thửa đất số 406, 407 có cây chuối, cây cau, cây dừa do ông B trồng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trên thửa đất số 407 có 11,2m^2 đất hiện nay anh Phạm Bá L mượn để xây công trình phụ, ông B và anh Phạm Bá L tự thỏa thuận giải quyết về diện tích đất này, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về 05 cánh cửa sắt hiện đang lắp tại ngôi nhà xây cấp IVB của ông Huỳnh B nằm trên thửa đất số 496, anh Huỳnh Trần Đạt V và ông Huỳnh B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T1 là người đại diện hợp pháp của cháu Huỳnh Quốc V1 nêu yêu cầu Tòa án giải quyết cho cháu V1 nhận thừa kế bằng hiện vật là thửa đất số 408 và thửa đất số 406 tờ bản đồ số 21, tại Bản trình bày viết ngày 29 tháng 10 năm 2018 và tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt viết ngày 14 tháng 11 năm 2018, Bản trình bày viết ngày 14 tháng 11 năm 2018 chị Nguyễn Thị T1 và cháu Huỳnh Quốc V1 đã rút yêu cầu nhận thừa kế đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ số 21 thị trấn Y, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử về yêu cầu nhận thừa kế đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ số 21 thị trấn Y của chị Nguyễn Thị T1, cháu Huỳnh Quốc V1.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh H đã nộp tạm ứng tổng cộng 13.000.000đồng, chị H nhận nộp toàn bộ chi phí và không yêu cầu những người được hưởng di sản thừa kế phải trả lại, nên được chấp nhận.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh B là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Cháu Huỳnh Quốc V1 là trẻ em được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị T1 không phải nộp án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Nguyễn Thị T1 theo quy định của pháp luật.

- Chị Huỳnh Thị Ánh H, được hưởng di sản thừa kế nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia thừa kế theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: 150,5m^2 x 2.600.000đồng/m^2=364.000.000đồng x 5%= 19.565.000đồng.

- Chị Huỳnh Thị Ánh H1, được hưởng di sản thừa kế nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia thừa kế theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: 149,4m^2 x 2.600.000đồng/m^2 = 388.440.000đồng x5%= 19.422.000đồng.

- Anh Huỳnh Trần Đạt V chưa nhận di sản thừa kế nên chưa phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213, Điều 219, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Ánh H; Chấp một phần yêu cầu phản tố của ông Huỳnh B; Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Huỳnh Thị Ánh H1; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị T1 và cháu Huỳnh Quốc V1.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh B về việc nhận hưởng toàn bộ diện tích của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1 và cháu Huỳnh Quốc V1 về việc nhận thừa kế tài sản là thửa đất số 406, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị L1 gồm có: Ông Huỳnh B, chị Huỳnh Thị Ánh H1, anh Huỳnh Trần Đạt V, chị Huỳnh Thị Ánh H và cháu Huỳnh Quốc V1 (thừa kế thế vị của anh Huỳnh Trần Hoàng V2).

5. Xác định các thửa đất số 493, 494,495,496,406, 407, 408 có tổng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.719,1m^2 , tổng diện tích đo thực tế 1.743,6m^2 là tài sản chung của ông Huỳnh B và bà Trần Thị L1, trong đó có ½ là tài sản của ông Huỳnh B, còn ½ là di sản thừa kế của bà Trần Thị L1.

6. Chia tài sản chung và chia thừa kế phần di sản của bà Trần Thị L1:

6.1 Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Ánh H về việc chị H nhận hưởng thừa kế bằng hiện vật là thửa đất số 493, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05434, số phát hành BS627937 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/10/2016, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 140 m^2, diện tích đo thực tế là 150,5 m^2.

6.2 Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Ánh H1 về việc chị H1 nhận hưởng thừa kế bằng hiện vật là thửa đất số 494, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05433, số phát hành BS627938 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/10/2016, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 140,9 m^2, diện tích đo thực tế là 149,4 m^2.

6.3 Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T1 và cháu Huỳnh Quốc V1 về việc cháu Huỳnh Quốc V1 nhận hưởng thừa kế bằng hiện vật là thửa đất số 408, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05350, số phát hành CĐ190093 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 11/7/2016, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 199,2 m^2, diện tích đo thực tế là 201,3 m^2. Giao cho chị Nguyễn Thị T1 nhận, quản lý kỷ phần thừa kế mà cháu Huỳnh Quốc V1 được hưởng.

6.4 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh B về việc ông B nhận phần tài sản của ông trong khối tài sản chung với bà Trần Thị L1 và hưởng phần di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 bằng hiện vật, gồm có:

+ Thửa đất số 496, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05435,

số phát hành BS627940 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/10/2016, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 745,7 m^2, diện tích đo thực tế là 757,1 m^2.

+ Thửa đất số 407, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05348, số phát hành CĐ190092 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 11/7/2016, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 168,9 m^2, diện tích đo thực tế là 152,8 m^2.

+ Diện tích đất đo thực tế 158,1m^2 (ký hiệu là B tại Bản đồ địa chính khu đất kèm theo bản án này) của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05349, số phát hành CĐ190091 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 11/7/2016.

6.5 Tạm giao cho ông Huỳnh B nhận, quản lý kỷ phần thừa kế của anh Huỳnh Trần Đạt V bằng hiện vật là thửa đất số 495, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05436, số phát hành BS627939 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 06/10/2016, có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là 141 m^2, diện tích đo thực tế là 148 m^2 và diện tích 26,4m^2 (ký hiệu là V tại Bản đồ địa chính khu đất kèm theo bản án này) của thửa đất số 406, tờ bản đồ số 21, thị trấn Y, huyện U, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05349, số phát hành CĐ190091 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 11/7/2016, khi nào anh Huỳnh Trần Đạt V có yêu cầu nhận thừa kế thì khởi kiện một vụ án khác để giải quyết.

Kích thước, giới cận các thửa đất số 493, 494, 495, 496, 406, 407, 408 được thể hiện tại Bản đồ địa chính khu đất kèm theo bản án này và là một bộ phận không thể tách rời của bản án.

7. Các đương sự có nghĩa vụ L1 hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất được hưởng.

8. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh H tự nguyện nhận nộp toàn bộ số tiền 13.000.000đồng (Mười ba triệu đồng) và chị đã nộp đủ.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh B là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Cháu Huỳnh Quốc V1 là trẻ em được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 422.700đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000529 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Huỳnh Thị Ánh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.565.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 420.000đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000516 ngày 17 tháng

4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, chị Huỳnh Thị Ánh H còn phải nộp 19.145.000đồng (Mười chín triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Chị Huỳnh Thị Ánh H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 19.422.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 964.400đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000530 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Quảng Ngãi, chị Huỳnh Thị Ánh H1 còn phải nộp 18.457.600đồng (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu HS.